

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm):

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi.

Có giọt sương kiêu diễm
Tính đỏng dảnh, kiêu kì
Chẳng coi ai ra gì
Luôn nghĩ mình đẹp nhất.

Khoe mãi không biết chán
Bồng, nểng ập đến rồi
Đang khoác lác liên hồi
Sương thấy mình tan chảy...

Sương bảo chị cỏ mật:
- Đây, chị cứ nghĩ xem
Không có tôi đậu lên
Chị làm sao lấp lánh?

Cỏ cây càng lộng lẫy
Hạt sương càng nóng ran
Có phải thấy bề bàng
Mà giọt sương trốn biệt?

Sương còn bảo chị nầm:
- Nếu tôi không đánh đu
Vành nón chị rất thô
Chứ làm sao duyên dáng?

Thực ra ai cũng biết
Nước đọng thành giọt sương
Đẹp, nhưng kiêu kì thế
Đáng giận mà đáng thương.

(*Giọt sương kiêu diễm* - Nguyễn Trọng Hoàn)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định các phương thức biểu đạt trong văn bản trên?

Câu 2. (1,0 điểm) Chỉ ra và phân tích hiệu quả của một biện pháp tu từ được sử dụng ở khổ thơ thứ ba?

Câu 3. (1,0 điểm) Tính tình của giọt sương trong bài thơ được miêu tả bằng những từ láy nào? Qua các từ ngữ đó em cảm nhận được tính cách nổi bật nào của giọt sương?

Câu 4. (1,5 điểm) Theo tác giả, giọt sương vừa đáng giận vừa đáng thương. Em có đồng ý với tác giả không? Vì sao? Từ văn bản em rút ra cho mình bài học gì?

II. VIẾT

Câu 1. (6 điểm) Viết đoạn văn cảm nhận về cái hay, cái đẹp của đoạn thơ sau:

*Em có nghe tiếng xuân về gõ cửa
Mang nồng nàn theo gió đón mùa sang
Tiếng bầy chim đang ríu rít gọi đàn
Từng nhành lá mướt non màu áo mới*

(Nguyễn Hưng, *Tiếng xuân về*)

Câu 2. (10 điểm) Hiện nay có một bộ phận học sinh dành quá nhiều thời gian để giải trí trên mạng xã hội mà sao nhãng việc học và dẫn đến các hậu quả khác. Em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng này.

===Hết===

HƯỚNG DẪN CHẤM
KHẢO SÁT CHỌN NGUỒN HỌC SINH GIỎI VÒNG 4
NĂM HỌC: 2023 -2024
MÔN: NGỮ VĂN 6

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (4 ĐIỂM)		
Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	Phương thức biểu đạt : Biểu cảm, tự sự, miêu tả (hs có thể xác định có yếu tố nghị luận - ở 2 câu thơ cuối)	0,5
Câu 2	- Biện pháp tu từ nhân hóa : Giọt sương trò chuyện với cây nấm, Sương đánh đu, Chị Nấm đội nón, duyên dáng.	0,5
	- Hiệu quả : + Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt + Giúp cho sự vật trong câu chuyện trở nên sống động, gần gũi, thân thiết, gần bó với con người đặc biệt là với trẻ thơ. + Thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu mùa xuân của tác giả.	0,5
	+ Vẻ đẹp và tính tình của giọt sương trong bài thơ được miêu tả bằng những từ láy : đồng đánh, kiêu kì, khoác lác. + Qua các từ ngữ học sinh cảm nhận được tính cách nổi bật của giọt sương: kiêu ngạo, tự phụ... (mỗi ý cho 0,5 điểm)	1,0
Câu 4	*Em đồng ý hay không đồng ý với tác giả và giải thích : - Em đồng ý với tác giả, giọt sương vừa đáng giận, vừa đáng thương. + Đáng giận vì : Có tính cách đồng đánh kiêu ngạo luôn cho là mình xinh đẹp, tìm cách chê bai, chế giễu khiếm khuyết của người khác. + Đáng thương vì : cuối cùng giọt sương bị nắng chiếu tan ra, không còn cơ hội làm đẹp cho cuộc sống. * Học sinh chỉ cần rút ra một trong số các bài học sau: -Không nên sống kiêu căng tự phụ, không nên coi thường những người xung quanh. - Đừng lấy khiếm khuyết của người khác để chê bai. - Cần sống khiêm tốn, hòa nhã biết quan tâm đến những người xung quanh. - Hình dáng xinh đẹp rất đáng quý nhưng cần khiêm tốn và biết tôn trọng những người xung quanh...vv Lưu ý: Học sinh có thể trình bày theo những cách riêng miễn sao phù hợp với chuẩn mực đạo đức.	1,0
		0,5
PHẦN II: VIẾT		16,0
Câu 1	Viết đoạn văn cảm nhận về cái hay, cái đẹp của đoạn thơ.	6,0
	a. Yêu cầu về kĩ năng: - HS biết viết một đoạn văn cảm thụ có bố cục rõ ràng, văn viết trôi chảy, giàu cảm xúc, thể hiện chất văn, biết cách dùng từ đặt câu, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả,... - Chữ viết đẹp, trình bày sạch sẽ, khoa học..	0,5
	b. Yêu cầu về kiến thức: HS có thể diễn đạt bằng nhiều cách song cần đảm bảo được các ý	

	cơ bản sau :	
	* Về nghệ thuật: - Nghệ thuật: + Nhân hóa “ xuân - về gõ cửa ” “gió- đón mùa sang” “bầy chim ríu rít gọi đàn” “nhành lá- màu áo mới” + Các tính từ, từ láy gợi hình ảnh :<i>mướt non, nồng nàn, ríu rít.</i>	1,5
	* Về nội dung + Tác giả tái hiện bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp, nồng nàn hương xuân, rộn rã âm thanh và tràn đầy sức sống. Cây cối đâm chồi nảy lộc, bầy chim ríu rít gọi đàn bay về chào xuân ấm áp. + Nhà thơ đã thổi hồn vào bầy chim và nhành lá, khiến sự vật trở nên sinh động, gần gũi và thân thuộc hơn với con người. + Bức tranh mùa xuân thể hiện sự quan sát tinh tế và miêu tả sâu sắc của tác giả đồng thời gửi gắm tình yêu tha thiết của nhà thơ dành cho thiên nhiên. + Cảm xúc và nhận thức của học sinh: thêm yêu thiên nhiên, yêu mùa xuân và cuộc sống...	3,5
	c. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có những cảm thụ, liên tưởng mới mẻ, bất ngờ.	0,5
Câu 2	Viết một bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.	10
	a, Đảm bảo cấu trúc, thể loại của một bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. - Có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài. - Vận dụng tốt các thao tác lập luận, hệ thống luận điểm rõ ràng, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng.	0,5
	b, Xác định đúng yêu cầu của đề: nghị luận về hiện tượng <i>một bộ phận học sinh dành nhiều thời gian giải trí trên mạng xã hội.</i>	0,5
	c, Triển khai bài viết: HS có sáng tạo riêng song cần nêu được các ý cơ bản sau.	
	1. Mở bài: - Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận: <i>một bộ phận học sinh dành quá nhiều thời gian để giải trí trên mạng xã hội mà sao nhãng việc học và dẫn đến các hậu quả khác.</i>	1,0
	2. Thân bài:	
	a. Giải thích - Học sinh dành phần lớn thời gian truy cập vào các nền tảng mạng xã hội Zalo, Tik Tok, Facebook, Twitter, Instagram... để thư giãn, vui chơi, kết bạn, chơi game trực tuyến, xem phim, đọc truyện... quên cả việc học và kéo theo các hậu quả khác.	0,5
	b. Thực trạng, biểu hiện. * <i>Ở nhà</i> : Quên cả thời gian, không màng đến ăn uống, không nghĩ đến việc học tập, thức thâu đêm, cứ có thời gian rảnh là truy cập các trang mạng, bức bối khó chịu khi không thể lên mạng... * <i>Ở trường</i>: lén lút dùng trong các giờ học, giờ ra chơi...	0,5

c. Nguyên nhân <i>* Chủ quan:</i> - Do các bạn học sinh chưa nhận thức rõ được mặt lợi, mặt hại của mạng xã hội. - Do đặc điểm lứa tuổi còn ham chơi, tò mò, hiếu động. - Do chưa ý thức được vai trò của việc học. - HS chưa biết kết hợp giữa học tập với giải trí. - Do tâm lí thích thể hiện, muốn chứng tỏ bản thân với những người xung quanh...vv <i>* Khách quan:</i> - Do nhà trường chưa có biện pháp quản lí chặt chẽ các phương tiện hiện đại. Chưa có hình thức giáo dục để học sinh biết cách tiếp cận và sử dụng mạng xã hội một cách thông minh trong khoảng thời gian hợp lí. - Phụ huynh nuông chiều con, cho rằng con có thể vui chơi và học tập nhưng không quản lí và giới hạn thời gian của con khi dùng mạng xã hội. Chưa có phương pháp định hướng và giáo dục con sử dụng sao cho có hiệu quả.	1,5
c. Hậu quả. Sao nhãng việc học và dẫn đến các hậu quả khác. - Ảnh hưởng đến học tập : học cho nhanh, làm bài tập qua loa đối phó cho xong để còn có thời gian lên mạng giải trí. Kết quả học tập sa sút... - Gây ảnh hưởng đến sức khỏe : dẫn đến những bệnh về trí tuệ, tâm lí: nghiện mạng xã hội, nghiện game, sống ảo... - Ảnh hưởng đến đạo đức : nếu tiếp cận với phim ảnh hoặc những luồng thông tin không chọn lọc dễ dẫn đến biến đổi nhân cách và hành vi, chơi những trò chơi điện tử dẫn đến hành vi có xu hướng bạo lực... Lập hội nhóm gây mâu thuẫn dẫn đến bạo lực học đường... - Không có kĩ năng giao tiếp trong đời sống, dễ thu mình, ngại giao tiếp...vv <i>(Học sinh lấy dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu)</i>	2,5
d. Giải pháp. - Mỗi bạn học sinh cần tự giác ý thức trong học tập: <i>xác định mục tiêu, động cơ, phương pháp học tập...</i> - Sử dụng mạng xã hội một cách hợp lí : thời gian phù hợp, kết hợp giải trí và học tập sao cho có hiệu quả. - Xã hội, nhà trường và gia đình tạo điều kiện để học sinh được học tập vui chơi trải nghiệm thú vị trong thực tế để hình thành những kĩ năng sống hữu ích. ...vv	1,0
3. Kết bài: + Khái quát lại vấn đề nghị luận: hiện tượng học sinh dành nhiều thời gian để giải trí trên mạng xã hội ... + Rút ra bài học, liên hệ bản thân.	1,0
d. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
e. Chính tả, ngữ pháp, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp dùng từ đặt câu.	0,5
Lưu ý : Đối với học sinh lớp 6, hiểu biết xã hội của các em còn hạn	

	<i>ché, các em mới tiếp cận kiểu bài nghị luận xã hội nên tư duy và lập luận chưa thể sắc bén. Biểu điểm trên chỉ có tính chất định hướng trình tự lập luận. Về mặt nội dung bài làm của học sinh, giáo viên cần linh hoạt, nâng niu tư duy sáng tạo của học sinh.</i>	
--	--	--